

Bản án số: 97/2022/DS-ST

Ngày: 22/9/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BV – THÀNH PHỐ HN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Kế; Ông Nguyễn Đại Huy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Phương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện BV, thành phố HN.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BV tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 09 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BV xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 14/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 03 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 08 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/QĐDS-ST, ngày 8 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị P, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Thôn Tam Mỹ, xã TL, huyện BV, thành phố HN.

* *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị H, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Thôn Gò Sồng, xã TL, huyện BV, thành phố HN.

* *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Ngô Ngọc H1, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Thôn Gò Sồng, xã TL, huyện BV, thành phố HN.

(Bà P có mặt; Chị H, anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2022, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đỗ Thị P trình bày: Tôi và chị H có mối quan hệ quen biết từ việc hai bên mua bán hoa quả. Tôi là người đi phân phối hoa quả cho các đại lý khu vực xã TL. Tôi có bán hàng cho chị H các loại quả sau: Lê, táo, mận, dưa vàng, dưa xanh. Chị H lấy hàng và ghi nợ từ ngày 02/04/2014 đến ngày 19/8/2014 thì chốt nợ. Chị H lấy hàng hoá nhà tôi là các loại hoa quả tổng giá trị hàng hoá là: 28.572.000đ. Số tiền trên đã được tôi đối chiếu sổ sách của những lần chị H lấy hàng, chị H đã trực tiếp xác nhận và ký nhận nợ vào sổ của tôi. Do tôi đã nhiều tuổi nên tôi đã nghỉ chợ và không bán hàng nữa. Tôi đã nhiều lần đến gặp vợ chồng chị H và anh H1 nhưng chị H và anh H1 đều lánh mặt khát nợ và trốn tránh không trả nợ cho tôi và có những lời thách thức tôi. Tôi đã khởi kiện chị H ra Toà án huyện BV. Tôi xác định số tiền 28.572.000đ là số tiền chị H lấy hoa quả của tôi, số tiền này chị H sử dụng chung cho mục đích gia đình, là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh H1. Ngày 30/4/2022 thì tôi đến nhà chị H và anh H1 trả cho tôi được số tiền 5.000.000đ. Chị H trực tiếp viết giấy trả nợ cho tôi và hứa số tiền còn lại sang tháng sẽ trả hết cho tôi nhưng đến hẹn tôi đến thì chị H không trả mà còn thách thức tôi. Do vậy bà P đề nghị Toà án nhân dân huyện BV buộc chị H, anh H1 phải trả cho tôi số tiền nợ: 23.572.000đ (Hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng) và lãi phát sinh trên số tiền chậm trả (Thời điểm chị H lấy dưa khi đó có 8.500đ/ 1 kg đến thời điểm này dưa là 18.000đ/kg). Tôi chỉ yêu cầu lãi suất theo ngân hàng là 1%/ tháng. Tôi tính làm tròn thành 8 năm từ tháng 7 năm 2014 đến tháng 7 năm 2022. Tiền lãi là: 28.572.000đ x 1% x 8 năm = 27.429.000đ. Tổng gốc và lãi chị H và anh H1 phải trả cho tôi là: 51.001.000đ (Năm mươi một triệu không trăm linh một nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đoàn Thị H và anh Ngô Ngọc H1 cố tình trốn tránh. Toà án phối hợp cùng chính quyền địa phương xã TL đến nhà chị H và anh H1 nhưng chị H cố tình trốn tránh không hợp tác, anh H1 từ chối nhận tất cả văn bản của Toà án và không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 10/03/2022 của Công an xã TL cho biết: Chị Đoàn Thị H, sinh năm: 1974; anh Ngô Ngọc H1, sinh năm 1974 có hộ khẩu thường trú thôn Gò Sổng, xã TL, huyện BV, HN. Hiện nay chị H và anh H1 đang có mặt tại địa phương.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử hợp lệ đối với chị Đoàn Thị H và anh Ngô Ngọc H1 theo quy định của pháp luật. Đối với chị Đoàn Thị H và anh Ngô Ngọc H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa, sau khi có quyết định hoãn phiên tòa đã tổng đạt niêm yết đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng chị H và anh H1 vẫn không có mặt, chị H, anh H1 cố tình trốn tránh.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Đoàn Thị H, anh Ngô Ngọc H1 phải trả số tiền gốc: 23.572.000đ (*Hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) và số tiền lãi: 27.429.000đ. Tổng nợ gốc và lãi là: 51.001.000đ (*Năm mươi mốt triệu không trăm linh một nghìn đồng*), chị Đoàn Thị H, anh Ngô Ngọc H1 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát huyện BV có quan điểm về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết nội dung vụ án: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi từ khi nhận đơn, giải quyết đơn, ra thông báo thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện việc chị H mua hàng hóa là các loại hoa quả của bà P là sự thật, chị H đã ký xác nhận số tiền còn nợ bà P trong sổ chốt nợ số tiền 28.572.000đ là sự thật, tuy nhiên việc bà P cho rằng khoản nợ này là nợ chung của chị H, anh H1 vì chị H sử dụng cho mục đích chung gia đình, nhưng bản thân chị H trốn tránh, anh H1 không hợp tác, trong giấy chốt nợ chỉ mình chị H ký xác nhận và trong quá trình giải quyết vụ án chị H cũng đã trả cho bà P được một phần số tiền 5.000.000đ chỉ mình chị H ký xác nhận, không có bút tích của anh H1, do vậy chưa có căn cứ, chưa đủ cơ sở xác định đây là khoản nợ chung của chị H và anh H1, do vậy xác định đây là khoản nợ riêng của chị H với bà P, chị H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà P số tiền gốc còn lại là 23.572.000đ, đối với yêu cầu tính lãi suất 1% xét thấy là phù hợp bởi thực tế có sự trượt giá đồng tiền, giá cả biến động, do vậy cần thiết phải đảm bảo quyền lợi cho bà P, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là chị Đoàn Thị H

phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là :23.572.000đ (Hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng) và số tiền lãi: 27.429.000đ. Tổng nợ gốc và lãi là: 51.001.000đ (Năm mươi một triệu không trăm linh một nghìn đồng). Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị P khởi kiện yêu cầu bị đơn: Chị Đoàn Thị H trả nợ tiền mua bán hàng hoá là hoa quả đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá; Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Gò Sồng, xã TL, huyện BV, HN, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện huyện BV, HN. Tòa án nhân dân huyện BV thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đoàn Thị H và anh Ngô Ngọc H1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh H1 theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX xét thấy: Xuất phát từ việc bà Đỗ Thị P là người đi phân phối hoa quả cho các đại lý khu vực xã TL. Bà P đã nhiều lần bán hàng cho chị H các loại quả như: Dưa hấu, lê, táo, mận, dưa vàng, dưa xanh... Chị H lấy hàng và ghi nhận nợ từ ngày 02/04/2014 đến ngày 19/8/2014 hai bên chốt nợ, tổng giá trị hàng hoá là: 28.572.000đ. Số tiền trên đã được bà P đối chiếu sổ sách của những lần chị H lấy hàng, chị H đã trực tiếp xác nhận và ký nhận nợ vào sổ của bà P. Do bà P đã nhiều tuổi nên đã nghỉ chợ và không bán hàng nữa. Bà P đã nhiều lần đến gặp vợ chồng chị H và anh H1 nhưng chị H và anh H1 đều lánh mặt khát nợ và trốn tránh không trả nợ cho bà và có những lời thách thức, rất nhiều lần bà P gọi điện, thông báo và đến gặp chị H để đòi số tiền chưa thanh toán hết cho bà, chị H đều khất lần, đến ngày 30/4/2022 chị H trả cho bà P được một phần số tiền 5.000.000đ. Chị H trực tiếp viết giấy trả nợ và hứa số tiền còn lại sang tháng sẽ trả hết, nhưng đến hẹn bà P đến nhà chị H đòi số tiền còn lại như đã thỏa thuận hạn trả, chị H không trả mà còn thách thức bà. Do quyền và lợi ích hợp pháp của mình

bị xâm phạm, bà P đã khởi kiện chị H ra Tòa án nhân dân huyện BV để bảo vệ quyền lợi của mình là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét yêu cầu của bà P về việc yêu cầu chị H, anh H1 phải trả lại cho bà số tiền còn nợ chưa thanh toán hết tiền mua hàng hóa, số tiền gốc là: 23.572.000đ (*Hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng*). HĐXX xét thấy: Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bà P, đã có căn cứ xác định việc chị H nhiều lần mua hàng hóa của bà P là các loại hoa quả nhưng chị H chưa thanh toán tiền mua hàng cho bà P là sự thật, được ghi chép cụ thể tại sổ ghi nợ của bà P như sau: “Ngày 13/7/2014 cô H H1 nợ lại 5.000.000đ. Ngày 28/5 chị H mua hàng là hoa quả: lê, mận, lựu với số tiền hàng là: 1.500.000đ. Chị Đoàn Thị H và bà Đỗ Thị P chốt nợ đến ngày 19/8 tổng nợ cũ, mới là: 28.572.000đ” chị H có ký xác nhận vào sổ ghi nợ của bà Đỗ Thị P. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã trả được một phần số tiền còn nợ cho bà P số tiền 5.000.000đ vào ngày 30/4/2022 chị H có ký xác nhận ở bên dưới. Xét thấy tại các giấy tờ ghi nợ giữa bà P và chị H thì chỉ thể hiện có bút tích của chị H, không có bút tích của anh H1, bản thân sổ nợ cũng chỉ mình chị H xác nhận nợ và trả nợ cho bà P nên xác định đây là khoản nợ tiền mua hàng hoá giữa bà P và chị H. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án cả chị H, anh H1 đều trốn tránh không hợp tác, do vậy chưa có cơ sở để xác định khoản nợ này là nợ chung của chị H, anh H1 đối với bà P. Do chị H và anh H1 không có mặt tại phiên toà nên không xác định được khoản nợ trên chị H có sử dụng cho mục đích gia đình hay không. Do đó xác định khoản nợ này là nợ riêng của chị H đối với bà P, do vậy chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị P đối với khoản nợ tiền hàng là: 23.572.000đ theo quy định tại Điều 430 BLDS 2015 đối với chị Đoàn Thị H. Buộc chị H phải trả nợ cho bà P số tiền gốc 23.572.000đ (*Hai mươi ba triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy bà P khởi kiện yêu cầu chị H, anh H1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất 01%/ tháng. Bà P tính làm tròn thành 8 năm từ tháng 7 năm 2014 đến tháng 7 năm 2022. Tiền lãi là: 28.572.000đ x 1% x 8 năm = 27.429.000đ. HĐXX nhận thấy mặc dù trong các giấy chốt nợ không thể hiện hay thỏa thuận lãi suất, nhưng thực tế bà P đã bán hàng hóa cho chị H từ năm 2014, đến thời điểm hiện tại do có sự tăng giá các hàng hóa, trượt giá đồng tiền, do vậy cần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P, chấp nhận một phần yêu cầu về lãi suất của bà P, buộc chị H phải trả khoản tiền lãi cho bà P là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên HĐXX xét thấy theo quy định tại Điều 280, Điều 357, Điều 440 Bộ luật Dân sự; Công văn số: 244/TANDTC-KHXX ngày 05/11/2012 về việc mức lãi suất cơ bản bằng

đồng Việt Nam, như vậy yêu cầu về tính lãi suất 01%/tháng của bà P là chưa phù hợp, HĐXX chỉ chấp nhận và áp dụng tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước 09%/năm cũng đảm bảo quyền lợi cho bà P đúng pháp luật. Như vậy lãi suất được tính như sau: Thời gian chậm trả được bà P làm tròn thành 8 năm từ tháng 7 năm 2014 đến tháng 7 năm 2022 là 2.920 ngày, lãi suất là 09%/năm: $23.572.000đ \times 2.920 \text{ ngày} \times 09\%/năm = 17.207.500đ$ (*Mười bảy triệu hai trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng*). Buộc chị Đoàn Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị P số tiền gốc là: 23.572.000đ và số tiền lãi là: 17.207.500đ. Tổng nợ gốc và lãi là: 40.779.500đ (*Bốn mươi triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng*) là có căn cứ, đúng pháp luật,

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26; Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 353; 357, 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị P đối với chị Đoàn Thị H.

2/. Buộc chị Đoàn Thị H phải trả cho bà Đỗ Thị P số tiền gốc là: 23.572.000đ (*Hai mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) và số tiền lãi là: 17.207.500đ (*Mười bảy triệu, hai trăm linh bảy nghìn, năm trăm đồng*). Tổng nợ gốc và lãi là: 40.779.500đ (*Bốn mươi triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4/Án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu số tiền án phí: 2.038.900đ (*Hai triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm đồng*).

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị P số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) bà P đã nộp tám ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0060041 ngày 04/03/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BV, thành phố HN.

5/ Quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Đoàn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Anh Ngô Ngọc H1 được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TANDTP.HN;
- VKS huyện BV;
- THA huyện BV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phúc Thịnh

